



# BẢNG CHỈ DẪN AN TOÀN HÓA CHẤT

## HUNTEX CGMTK-269



Version 1.0  
SDS chuẩn bị ngày: 01/10/2022  
Ngày in:

### 1. Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

#### 1.1. Định danh sản phẩm

Tên thương mại : HUNTEX CGMTK-269  
Tên hóa học : Chất giặt môi trường kiềm.

#### 1.2. Khuyến nghị sử dụng hóa chất và hạn chế sử dụng

Khuyến nghị sử dụng : Phụ trợ dệt may.  
Hạn chế sử dụng : Không biết.

#### 1.3. Chi tiết về nhà cung cấp bằng dữ liệu an toàn

Công ty : Công ty TNHH Hóa Chất Hùng Xương.  
Số điện thoại : +84 272 377 8055/56  
Số fax : +84 272 377 80  
E-mail : info@hungxuong.com

#### 1.4. Thông tin khẩn cấp

Số điện thoại khẩn cấp : +84 272 377 8055  
Thông tin :

### 2. Nhận dạng môi nguy hại

#### 2.1. Phân loại chất hoặc hỗn hợp

Phân loại GHS theo Quy định về phân loại và ghi nhãn hóa chất - Thông tư số 32/2017/TT-BCT

| Nhóm sự cố                                                           | Loại | Nhóm sự cố và phân loại   | Cảnh báo nguy hiểm |
|----------------------------------------------------------------------|------|---------------------------|--------------------|
| Chất hoặc hỗn hợp tự gia nhiệt                                       | 2    | Self-heat. 2              | H252               |
| Độc tính cấp tính (đường uống)                                       | 4    | Acute Tox. 4 (Oral)       | H302               |
| Kích ứng da                                                          | 2    | Skin Irrit. 2             | H315               |
| Tổn thương mắt nghiêm trọng                                          | 1    | Eye Dam. 1                | H318               |
| Độc tính cấp tính (hít phải)                                         | 4    | Acute Tox. 4 (Inhalation) | H332               |
| Độc tính trên cơ quan đích cụ thể -<br>phổi nhiễm một lần, Hệ hô hấp | 3    | STOT SE 3                 | H335               |
| Độc tính trên cơ quan đích cụ thể -<br>phổi nhiễm nhiều lần, Phổi    | 2    | STOT RE 2                 | H373               |

#### 2.2. Các thành phần nhãn

##### Các thành phần nhãn GHS

Hình đồ cảnh báo : GHS02, GHS05, GHS06, GHS08



Từ cảnh báo : Nguy hiểm

Cảnh báo nguy cơ : H252

Tự phát nhiệt khi số lượng lớn, có thể bắt lửa.



# BẢNG CHỈ DẪN AN TOÀN HÓA CHẤT

## HUNTEX CGMTK-269



Version 1.0  
SDS chuẩn bị ngày: 01/10/2022  
Ngày in:

|                             |                      |                                                                                                                                                                                |
|-----------------------------|----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                             | H302                 | Có hại nếu nuốt phải.                                                                                                                                                          |
|                             | H315                 | Gây kích ứng da.                                                                                                                                                               |
|                             | H318                 | Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.                                                                                                                                               |
|                             | H332                 | Có hại nếu hít phải.                                                                                                                                                           |
|                             | H335                 | Có thể gây kích ứng đường hô hấp.                                                                                                                                              |
|                             | H373                 | Có thể gây tổn thương cho các cơ quan (Phổi) thông qua phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp lại.                                                                                        |
| Các công bố về phòng ngừa : |                      |                                                                                                                                                                                |
| Phòng ngừa                  | : P260               | Không được hít bụi/khói/khí/sương mù/hơi/sương.                                                                                                                                |
|                             | P264                 | Rửa tay kỹ sau khi xử lý.                                                                                                                                                      |
|                             | P270                 | Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.                                                                                                                        |
|                             | P271                 | Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc trong khu vực thoáng khí.                                                                                                                          |
|                             | P280                 | Mang găng tay bảo hộ/quần áo bảo hộ/bảo vệ mắt/bảo vệ mặt.                                                                                                                     |
| Lưu ý khi tiếp xúc          | : P301+P330+P312     | NẾU NUỐT PHẢI: Súc miệng. Gọi trung tâm chống độc hoặc bác sĩ /nhân viên y tế nếu cảm thấy không khỏe.                                                                         |
|                             | P304+P340+P310       | NẾU HÍT PHẢI: Chuyển nạn nhân đến khu vực không khí trong lành và giữ nạn nhân ở tư thế dễ hô hấp. Ngay lập tức gọi trung tâm chống độc hoặc bác sĩ/nhân viên y tế.            |
|                             | P305+P351+P338 +P310 | NẾU VÀO MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Hủy bỏ kính áp tròng, nếu có và thuận tiện. Tiếp tục rửa. Ngay lập tức gọi trung tâm chống độc hoặc bác sĩ/nhân viên y tế. |
|                             | P302 + P350          | NẾU DÍNH VÀO DA: Rửa bằng nhiều nước và xà phòng.                                                                                                                              |
| Bảo quản                    | : P403 + P233        | Bảo quản ở nơi thông thoáng. Giữ kín thùng chứa.                                                                                                                               |
|                             | P235                 | Giữ mát.                                                                                                                                                                       |
| Thải bỏ                     | : P501               | Vứt chất chứa/thùng chứa vào nhà máy đốt công nghiệp.                                                                                                                          |
| 2.3. Các mối nguy hiểm khác |                      |                                                                                                                                                                                |
| Không biết.                 |                      |                                                                                                                                                                                |

### 3. Thông tin về thành phần các chất

#### 3.1. Đơn chất

-



# BẢNG CHỈ DẪN AN TOÀN HÓA CHẤT

## HUNTEX CGMTK-269



Version 1.0  
SDS chuẩn bị ngày: 01/10/2022  
Ngày in:

### 3.2. Hỗn hợp

Thông tin về các thành phần/Các thành phần nguy hiểm

| Tên hóa học                     | Số CAS     | Nồng độ (%) | Phân loại GHS                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|---------------------------------|------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Aminoiminomethanesulphinic acid | 1758-73-2  | 80          | Self-heat. 2, H252<br>Acute Tox. 4 (Oral), H302<br>Skin Irrit. 2, H315<br>Eye Dam. 1, H318<br>Acute Tox. 4 (Inhalation), H332<br>STOT SE 3, H335<br>STOT RE 2, H373<br>(Tham khảo<br><a href="https://echa.europa.eu/brief-profile/-/briefprofile/100.015.598">https://echa.europa.eu/brief-profile/-/briefprofile/100.015.598</a> ) |
| Sodium dodecylbenzenesulfonate  | 25155-30-0 | 3           | Acute Tox. 4 (Oral), H302<br>Skin Irrit. 2, H315<br>Eye Dam. 1, H318<br>(Tham khảo<br><a href="https://echa.europa.eu/brief-profile/-/briefprofile/100.042.422">https://echa.europa.eu/brief-profile/-/briefprofile/100.042.422</a> )                                                                                                |

## 4. Biện pháp sơ cứu về y tế

### 4.1. Mô tả các biện pháp sơ cứu

- Lời khuyên chung : Nếu cần tư vấn y tế, hãy cung cấp tài liệu SDS cho bác sĩ.
- Hít phải : Di chuyển nạn nhân ra khỏi nơi tiếp xúc hoặc di chuyển đến khu vực thông thoáng. Nếu có biểu hiện khó thở, cần được tư vấn y tế.
- Tiếp xúc với da : Sau khi tiếp xúc với da, rửa sạch bằng nhiều nước và xà phòng. Cởi bỏ quần áo, giày dép và phụ kiện bị nhiễm bẩn.
- Tiếp xúc với mắt : Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Hủy bỏ kính áp tròng, nếu có và dễ dàng làm. Tiếp tục xả. Nếu kích ứng mắt vẫn còn – Nhận sự tư vấn/chăm sóc y tế.
- Nuốt phải : Trong trường hợp nuốt phải, súc miệng bằng nước, uống nhiều nước. Nếu cảm thấy không khỏe, hãy tìm lời khuyên y tế.

### 4.2. Các triệu chứng và tác dụng quan trọng nhất, cả cấp tính và mãn tính

Các triệu chứng : không có gợi ý đặc biệt

### 4.3. Các triệu chứng và tác dụng quan trọng nhất, cả cấp tính và chậm trễ

Điều trị theo triệu chứng.

## 5. Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

### 5.1. Phương tiện chữa cháy phù hợp

Phương tiện chữa cháy thích hợp: phun nước, bọt, bột khô, CO<sub>2</sub>.



# BẢNG CHỈ DẪN AN TOÀN HÓA CHẤT

## HUNTEX CGMTK-269



Version 1.0  
SDS chuẩn bị ngày: 01/10/2022  
Ngày in:

- Phương tiện chữa cháy không phù hợp: không có sẵn dữ liệu.
- 5.2. Những mối nguy hiểm đặc biệt phát sinh từ chất hoặc hỗn hợp**  
Trong trường hợp hỏa hoạn, các chất có thể được giải phóng: Cacbon monoxit (CO), Cacbon dioxit (CO<sub>2</sub>), nito oxit (NO<sub>x</sub>), lưu huỳnh oxit, oxit kim loại.
- 5.3. Lời khuyên cho lính cứu hỏa**  
Khi đốt sẽ thải ra khói độc, lính cứu hỏa phải mặc thiết bị thở khép kín và quần áo bảo hộ thích hợp nếu có nguy cơ tiếp xúc với hơi hoặc sản phẩm của quá trình cháy.

## 6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

- 6.1. Các biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo hộ và quy trình xử lý khẩn cấp**  
Sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân. Tránh trơn trượt, không chạm vào hoặc đi qua vật liệu bị đổ.
- 6.2. Các biện pháp phòng ngừa về môi trường**  
Thu gom và cho vào một thùng chứa có thể đóng lại. Ngăn chặn dòng chảy vào cống rãnh và đường nước.
- 6.3. Các phương pháp và vật liệu dùng để ngăn chặn và làm sạch**  
Hấp thụ chất lỏng bằng vật liệu hấp thụ, ví dụ: đất, cát và các vật liệu hấp thụ không cháy khác.

## 7. Xử lý và bảo quản

- 7.1. Thận trọng trong việc bảo quản**  
Lời khuyên về an toàn : Mang thiết bị bảo hộ, đeo kính bảo hộ khi làm việc.  
Biện pháp vệ sinh : Không ăn, uống, hút thuốc khi làm việc. Rửa sạch tay trước khi nghỉ giải lao và sau giờ làm việc.  
Bảo vệ chung : Không hít phải khí/hơi/sol khí. Tránh tiếp xúc với da và mắt.
- 7.2. Điều kiện để lưu trữ an toàn, bao gồm bất kỳ điều kiện không tương thích nào**  
**Phòng chống cháy nổ**  
Thông tin: không yêu cầu các biện pháp đặc biệt.  
**Kho**  
Thông tin: không có.  
Thông tin thêm về điều kiện lưu trữ:  
Đậy kín thùng chứa và bảo quản ở nơi mát, nhiệt độ 2-8 °C, nơi khô ráo thoáng gió. Bảo quản tránh xa nguồn nhiệt, ngọn lửa, nguồn bắt lửa và các chất xung khắc. Tránh tiếp xúc với kiềm, chất oxy hóa. Kiểm tra rò rỉ thường xuyên.

## 8. Kiểm soát phơi nhiễm/Bảo vệ cá nhân

- 8.1. Các thông số kiểm soát**  
Giới hạn phơi nhiễm:  
Không chứa chất có giá trị giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp.
- 8.2. Kiểm soát phơi nhiễm**  
Thích hợp : hoạt động trong khu vực thông gió tốt.  
Kiểm soát kỹ thuật



# BẢNG CHỈ DẪN AN TOÀN HÓA CHẤT

## HUNTEX CGMTK-269



Version 1.0  
SDS chuẩn bị ngày: 01/10/2022  
Ngày in:

Thiết bị bảo vệ cá nhân

Bảo vệ mắt : đeo kính bảo hộ.

Bảo vệ tay : găng tay bảo hộ.

Bảo vệ cơ thể : quần áo bảo hộ lao động và giày bảo hộ lao động.

Bảo vệ đường hô hấp : đeo mặt nạ phòng độc.

Biện pháp vệ sinh : tránh xa thực phẩm. Luôn rửa tay trước khi ăn, uống, hút thuốc. Giặt quần áo bị nhiễm bẩn và các thiết bị bảo hộ khác trước khi cất giữ hoặc sử dụng lại.

## 9. Đặc tính lý hóa của chất

### 9.1. Thông tin về các đặc tính vật lý và hóa học cơ bản

Trạng thái vật lý : bột.

Màu sắc : màu trắng.

Mùi : không có dữ liệu.

Ngưỡng mùi : không có sẵn dữ liệu.

pH của 1% chất lỏng (25 °C) :  $6.5 \pm 1.0$ .

Điểm nóng chảy : không có dữ liệu.

Điểm sôi : không có dữ liệu.

Điểm chớp cháy : không có dữ liệu.

Tốc độ bay hơi : không có dữ liệu.

Tính dễ cháy : không có dữ liệu.

Giới hạn Nổ/Cháy trên : không có dữ liệu.

Giới hạn dưới của cháy nổ : không có dữ liệu.

Áp suất hóa hơi : không có dữ liệu.

Hơi tương đối : không có dữ liệu.

Mật độ tương đối : không có dữ liệu.

Độ hòa tan : hòa tan trong nước lạnh.

Hệ số phân tán : không có dữ liệu.

(n-octanol / nước)

Nhiệt độ tự bốc cháy : không có dữ liệu.

Nhiệt phân hủy : không có dữ liệu.

Độ nhớt, động học : không có dữ liệu.

Độ nhớt, động lực : không có dữ liệu.

Tính chất oxy hóa : không có dữ liệu.

### 9.2. Thông tin khác

Mật độ : không có dữ liệu.

Ăn mòn kim loại : không có dữ liệu.

## 10. Mức ổn định và khả năng phản ứng của hóa chất

### 10.1. Khả năng phản ứng

Ổn định ở nhiệt độ phòng bình thường.

### 10.2. Tính ổn định hóa học



# BẢNG CHỈ DẪN AN TOÀN HÓA CHẤT

## HUNTEX CGMTK-269



Version 1.0  
SDS chuẩn bị ngày: 01/10/2022  
Ngày in:

Sản phẩm ổn định trong điều kiện bình thường.

### 10.3. Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm

Không có dữ liệu.

### 10.4. Các điều kiện cần tránh

Nhiệt, ngọn lửa, nguồn đánh lửa và các chất không tương thích.

### 10.5. Vật liệu không tương thích

Tránh tiếp xúc với axit, bazơ mạnh, chất oxy hóa.

### 10.6. Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm

Cacbon monoxit (CO), Cacbon dioxit (CO<sub>2</sub>), nito oxit (NO<sub>x</sub>), lưu huỳnh oxit có thể hình thành khi sản phẩm bị phân hủy bởi nhiệt.

## 11. Thông tin về độc tính

### 11.1. Thông tin về các tác dụng độc

Độc tính cấp (đường miệng) : không được phân loại.

Độc cấp tính (hít phải) : không được phân loại.

Độc tính cấp (qua da) : không được phân loại.

Kích ứng/ấn mồn da : không được phân loại.

Tổn thương mắt/ kích ứng mắt

nghiêm trọng : không được phân loại.

Độc tính gia tăng : không được phân loại.

#### Đánh giá CMR

Khả năng gây ung thư : không được phân loại.

Tính gây đột biến : không được phân loại.

Tính gây quái thai : không được phân loại.

Độc tính với sinh sản : không được phân loại.

Độc tính cơ quan đích cụ thể -

Phơi nhiễm một lần : không được phân loại.

Độc tính cơ quan đích cụ thể -

Phơi nhiễm một lần : không được phân loại.

Nguy cơ hít thở : không được phân loại.

## 12. Thông tin về sinh thái

### 12.1. Độc tính sinh thái

Không có dữ liệu.

### 12.2. Tính bền và khả năng phân hủy

Khả năng phân hủy sinh học: Không có sẵn dữ liệu.

Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD<sub>5</sub>): 210 mg/g. Ghi chú: (MSDS bên ngoài).

Nhu cầu oxy hóa học (COD): 420 mg/g. Ghi chú: (MSDS bên ngoài).

### 12.3. Khả năng tích lũy sinh học

Không có dữ liệu.

### 12.4. Khả năng phân tán qua đất

Không có dữ liệu.







# BẢNG CHỈ DẪN AN TOÀN HÓA CHẤT

## HUNTEX CGMTK-269



Version 1.0  
SDS chuẩn bị ngày: 01/10/2022  
Ngày in:

Mối nguy môi trường (Chất gây ô nhiễm biển) : không áp dụng.  
Vận chuyển số lượng lớn : không áp dụng.  
Thận trọng đặc biệt cho người dùng : không áp dụng.

### 15. Thông tin về pháp luật

#### 15.1 Các quy định/luật pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường dành riêng cho chất hoặc hỗn hợp

- Quy định về phân loại và ghi nhãn hóa chất - Thông tư số 32/2017/TT-BCT. Ngày cấp: 28/12/2017.
- Quy định danh mục hàng công nghiệp nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển, vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm bằng phương tiện giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa - số: 44/2012/TT-BCT - Ngày ban hành 28/12/2012.
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh - QCVN05: 2013/BTNMT.
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh - QCVN06: 2009/BTNMT.
- Quy định về ghi nhãn hóa chất trên cơ sở GHS theo Thông tư số 32/2017/BCT.
- Quyết định, số 3733/2002/QĐ-BYT.

### 16. Thông tin cần thiết khác

Thông tin trong tờ này được viết dựa trên kiến thức và kinh nghiệm tốt nhất hiện có nhưng không có trách nhiệm pháp lý.

SDS chuẩn bị vào : 01/10/2022.

Ngày sửa đổi :

Phiên bản 1.0

Chú giải:

TWA: Thời gian trọng số trung bình.

STEL: Giới hạn phơi nhiễm ngắn hạn.

IATA: Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế.

ICAO: Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế.

IMDG: Hàng hóa Nguy hiểm Hàng hải Quốc tế.

Self-heat. 2: Chất hoặc hỗn hợp tự gia nhiệt, nguy hiểm loại 2.

Acute Tox. 4 (Oral): Độc tính cấp tính (đường uống), nguy hiểm loại 4.

Skin Irrit. 2: Kích ứng da, nguy hiểm loại 2.

Eye Dam. 1: Tổn thương mắt nghiêm trọng, nguy hiểm loại 1.

Acute Tox. 4 (Inhalation): Độc tính cấp tính (hít phải), nguy hiểm loại 4.

STOT SE 3: Độc tính trên cơ quan đích cụ thể - phơi nhiễm một lần, Hệ hô hấp, nguy hiểm loại 3.

STOT RE 2: Độc tính trên cơ quan đích cụ thể - phơi nhiễm nhiều lần, Phổi, nguy hiểm loại 2.

H252 Tự phát nhiệt khi số lượng lớn, có thể bắt lửa.

H302 Có hại nếu nuốt phải.

H315 Gây kích ứng da.





# BẢNG CHỈ DẪN AN TOÀN HÓA CHẤT

## HUNTEX CGMTK-269



Version 1.0  
SDS chuẩn bị ngày: 01/10/2022  
Ngày in:

H318 Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.

H332 Có hại nếu hít phải.

H335 Có thể gây kích ứng đường hô hấp.

H373 Có thể gây tổn thương cho các cơ quan (Phổi) thông qua phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp lại.